

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Hùng.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 08/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh H (tên khác: Hậu), sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 03, đường N, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 03, đường N, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông H có mặt, bà Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của ông Trần Thanh H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày: Vào năm 1985 ông và bà Tr có tìm hiểu và thương yêu nhau mới tiến hành tổ chức lễ cưới. Hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là phường 1, thị xã K) tỉnh Long An, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và hai người đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tr trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có hai người con chung tên Trần Lê Mừng Giao, sinh năm 1986, giới tính nữ và tên Trần Lê Bảo My, sinh năm

1989, giới tính nữ. Hai người con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Ông H cam kết không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Trần Thanh H Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 55/TB-TLVA ngày 09/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 44/TB-TA ngày 10/5/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 62/TB-TA ngày 29/5/2018 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 87/TB-TA ngày 11/7/2018 đã tổng đạt hợp lệ cho bà Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Tr không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] ông Trần Thanh H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 03, đường Nguyễn Du, khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Trần không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 04/6/2018 đã tổng đạt hợp lệ cho Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Tr không có mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Tr là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa ông Trần Thanh H xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với bà Lê Thị Ngọc Tr, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với bà Tr. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông H với bà Tr đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Trần Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian ông Trần Thanh H với bà Lê Thị Ngọc Tr chung sống có hai người con chung tên Trần Lê Mừng Giao, sinh năm 1986, giới tính nữ và tên Trần Lê Bảo My, sinh năm 1989, giới tính nữ. Hai người con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Thanh H với bà Lê Thị Ngọc Tr tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Ông Trần Thanh H cam kết không có nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Trần Thanh H phải chịu tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh H đối với bà Lê Thị Ngọc Tr.

Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Thanh H ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Tr.

Về án phí: Ông Trần Thanh H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006761 ngày 08/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Ông Trần Thanh H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông H báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Lê Thị Ngọc Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường 1, TX K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

